CĂN CỨ KHÔNG KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

HUỲNH BÍCH TRÂN
Khoa Chính trị - Luật, Trường Đại học Kiên Giang

Nhận bài ngày 08/4/2025. Sửa chữa xong 12/4/2025. Duyệt đăng 17/4/2025.

Abstract

This article introduces the concept of grounds for not initiating criminal proceedings and analyzes the legal basis as stipulated in the 2015 Criminal Procedure Code, amended and supplemented in 2021. It clarifies the conditions under which criminal cases are not initiated and proposes several solutions to improve legislation and the effectiveness of applying these grounds in practice. The study contributes to enhancing the quality and efficiency of prosecution, investigation, and adjudication in Vietnam's criminal justice system.

Keywords: *Criminal, criminal procedure, grounds for not initiating prosecution, crime composition, criminal liability.*

1. Đặt vấn đề

Căn cứ không khởi tố vụ án hình sự được quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự [2]. Trong mọi trường hợp, cơ quan có thẩm quyền khởi tố không được khởi tố vụ án hình sự nếu có một trong những căn cứ được pháp luật quy định. Nếu vụ án đã khởi tố thì phải hủy quyết định khởi tố. Đồng thời các căn cứ tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự còn được dùng để các điều luật khác dẫn chiếu đến trong quá trình tố tụng. Vì vậy, việc xây dựng các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự (VAHS) trong điều luật này khoa học, hợp lý, thuận tiện cho việc dẫn chiếu cũng như áp dụng là hết sức cần thiết.

Tuy nhiên, hiện nay quy định về căn cứ không khởi tố vụ án hình sự cũng đã bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc, có những quan điểm khác nhau về căn cứ không khởi tố quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bên cạnh đó, do quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về căn cứ không khởi tố VAHS còn thiếu nên trong thực tiễn có nhiều trường hợp cơ quan có thẩm quyền phải ra quyết định không khởi tố, quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án nhưng không có cơ sở pháp lý đã làm cho các cơ quan này rất lúng túng, khó khăn cho việc giải quyết vụ án được chính xác. Đồng thời, việc tìm ra các giải pháp nâng cao việc áp dụng căn cứ không khởi tố VAHS của các cơ quan có thẩm quyền, để những căn cứ này được áp dụng phù hợp với ý chí của nhà làm luật cũng là đòi hỏi tất yếu nhằm hạn chế tình trạng bỏ lọt tội phạm, bảo vệ quyền và lợi ích của cá nhân và trật tự an toàn xã hội, để cho các quyết định không khởi tố, đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án luôn đảm bảo tính có căn cứ và tính hợp pháp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm và quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về căn cứ không khởi tố vụ án hình sự

2.1.1. Khái niệm về căn cứ không khởi tố vụ án hình sự

Khi tiếp nhận tin tức về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền khởi tố phải xác định sự tồn tại của sự việc và đánh giá, xem sự việc đó có hay không có dấu hiệu tội phạm, hay sự việc đó có thuộc các trường hợp không được khởi tố vụ án theo luật định hay không để quyết định khởi tố VAHS hoặc không khởi tố vụ

Email: hbtran@vnkgu.edu.vn

án. Qua đó, kịp thời phát hiện tội phạm, hạn chế tối đa tình trạng bỏ lọt tội phạm cũng như đảm bảo được nguyên tắc không truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) oan đối với người vô tội.

Vậy chúng ta có thể hiểu căn cứ không khởi tố VAHS như sau: "Căn *cứ không khởi tố VAHS là những nguồn thông tin trong những nguồn do luật định, đã được kiểm tra, xác minh. Cho phép cơ quan có thẩm quyền kết luận về sự việc không có tội phạm xảy ra hoặc có dấu hiệu tội phạm xảy ra nhưng không bị truy cứu TNHS và là cơ sở để chấm dứt hoạt động tố tụng đối với sự việc xảy ra".[6]*

2.1.2. Quy định của pháp luật về căn cứ không khởi tố vụ án hình sự trong tố tụng hình sự Việt Nam

Khi có một trong những căn cứ quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án ra quyết định không khởi tố VAHS [2]. Như vậy, theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, cơ quan có thẩm quyền không được khởi tố VAHS khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Không có sự việc phạm tội

Sự việc phạm tội là sự việc do hành vi nguy hiểm cho xã hội gây ra, sự việc đó phải thoả mãn dấu hiệu của tội phạm. Không có sự việc phạm tội được hiểu là hoàn toàn không có sự việc gì xảy ra hoặc có sự việc xảy ra nhưng sự việc đó không phải là tội phạm, nghĩa là sự việc đó không có hoặc không đủ các dấu hiệu của tội phạm. Như vậy, để kết luận không có sự việc phạm tội xảy ra các chủ thể áp dụng pháp luật phải xác định hai vấn đề: thứ nhất, có hay không có sự việc xảy ra trên thực tế; thứ hai, nếu sự việc xảy ra thì sự việc đó không có hoặc có nhưng không đầy đủ các dấu hiệu của tội phạm.

b) Hành vi không cấu thành tội phạm

Khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định tình tiết không được khởi tố VAHS khi hành vi không cấu thành tội phạm. Quy định này quy định đối với các cơ quan có thẩm quyền khi xem xét một hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của công dân mà không đủ các yếu tố cấu thành một loại tội phạm cụ thể theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì không được khởi tố vụ án hình sự. Hành vi không cấu thành tội phạm có thể là hành vi vi phạm pháp luật hoặc đó là hành vi hợp pháp, nhưng do đánh giá sai tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi nên đã truy tố chủ thể thực hiện hành vi đó về một tội mà Bộ luật Hình sự quy định.

Khoa học luật hình sự ở nước ta cho rằng tội phạm được cấu thành bởi bốn yếu tố, đó là: khách thể, chủ thể, mặt khách quan và mặt chủ quan. Nếu thiếu một trong bốn yếu tố thì hành vi cũng không cấu thành tội phạm. Chỉ những hành vi có đầy đủ các dấu hiệu đó mới bị coi là tội phạm. Bất cứ một hành vi nào dù gây ra những thiệt hại nhất định nhưng nếu không có đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm thì cũng không phải là tội phạm, và chủ thể thực hiện hành vi đó không bị truy cứu TNHS.

c) Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự

Điều 12 Bộ luật Hình sự quy định: người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm (trừ những tội phạm mà Bộ luật Hình sự có quy định khác); người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật này. [1]

Như vậy, những người chưa đủ 14 tuổi dù họ có thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức độ nào vẫn không phải chịu TNHS vì hành vi đó không cấu thành tội phạm. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS hạn chế (về một số tội phạm nhất định), người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm (trừ những tội danh mà Bộ luật Hình sự quy định chủ thể thực hiện phải là người đã thành niên). Như vậy, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu TNHS là một căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự. Quy định này của Bộ luật Tố tụng hình sự đã dựa trên quy định về tuổi chịu TNHS trong Bộ luật Hình sự và thực chất quy định này xuất phát từ chỗ các hành vi do người chưa đủ tuổi chịu TNHS thực hiện không cấu thành tội phạm.

d) Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đã có hiệu lực pháp luật

Quyết định đình chỉ vụ án là văn bản pháp lý (của Viện Kiểm sát hoặc của Toà án) quyết định chấm

dứt mọi hoạt động tố tụng đối với quá trình giải quyết VAHS. Theo quy định tại Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án trong những trường hợp sau: khi có một trong các căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 155 và Điều 157 của Bộ luật Tố tụng hình sự hoặc có căn cứ quy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 hoặc Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Hình sự. Quyết định đình chỉ vụ án của Viện Kiểm sát sẽ có hiệu lực pháp luật ngay, sau khi ban hành, nếu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra không đồng ý với quyết định này thì có thể kiến nghị với Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp (Khoản 2 Điều 162 Bộ luật Tố tụng hình sự). Còn Toà án ra quyết định đình chỉ vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm khi có một trong những căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 155 hoặc các Khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự [2]. Quyết định đình chỉ vụ án của Toà án sẽ có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Khi khởi tố VAHS và suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử nếu ở giai đoạn nào phát hiện hành vi phạm tội đang bị truy cứu đã có một bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật thì các cơ quan tiến hành tố tụng không được khởi tố vụ án hình sự, không được khởi tố bị can, không được truy tố, không được đưa ra xét xử; nếu đã đưa ra xét xử thì không được kết án người đã có hành vi đó nữa. Trường hợp nếu bản án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện việc kết án đó là trái pháp luật thì cấp giám đốc thẩm phải hủy bản án đã có hiệu lực và đình chỉ vụ án đối với người bị kết án.

e) Đã hết thời hiệu truy cứu TNHS

Thời hiệu truy cứu TNHS là khoảng thời gian mà pháp luật hình sự quy định kể từ ngày xảy ra tội phạm, mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu TNHS nữa. Thời hạn này dài hay ngắn tùy thuộc vào tính chất và loại tội phạm đã được thực hiện.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Bộ luật Hình sự thì thời hiệu truy cứu TNHS được quy định như sau: 05 năm đối với các tội phạm ít nghiêm trọng; 10 năm đối với các tội phạm nghiêm trọng; 15 năm đối với các tội phạm rất nghiêm trọng; 20 năm đối với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Nếu trong thời hạn nói trên, người phạm tội lại phạm tội mới mà Bộ luật Hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên một năm tù, thì thời gian đã qua không được tính và thời hiệu đối với tội cũ được tính lại kể từ ngày phạm tội mới. Nếu trong thời hạn nói trên, người phạm tội cố tình trốn tránh và đã có lệnh truy nã thì thời gian trốn tránh không được tính và thời hiệu tính lại kể từ khi người phạm tội ra tự thú hoặc bị bắt giữ. Thời gian trốn tránh nếu không có lệnh truy nã thì vẫn được tính vào thời hiệu truy cứu TNHS [1].

Theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Hình sự thì không áp dụng thời hiệu truy cứu TNHS quy định tại Điều 27 đối với các tội quy định tại Chương XIII (các tội xâm phạm an ninh quốc gia) và Chương XXVI (các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh) của Bộ luật Hình sự; tội tham ô tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự; tội nhận hối lộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự [1].

g) Tội phạm đã được đại xá

Đại xá theo từ điển pháp luật "*là việc miễn TNHS hoặc hình phạt, hoặc thay hình phạt đã tuyên bằng một hình phạt nhẹ hơn đối với một loại phạm nhân nhất định. Văn bản đại xá chỉ có hiệu lực đối với những hành vi phạm tội được nêu trong văn bản đó và đã xảy ra trước khi ban hành văn bản đại xá. Những vụ án xảy ra trước khi có văn bản đại xá và thuộc diện được đại xá thì không bị khởi tố và nếu đã khởi tố thì sẽ được đình chỉ. Những người đã chấp hành xong hình phạt hoặc được miễn hình phạt có thể được văn bản đại xá coi là những người không có án tích*" [3].

Như vậy, đại xá là quyết định của Quốc hội đối với những tội phạm nhất định. Hình thức và mức độ đại xá được nêu rõ trong văn bản đại xá. Trong văn bản đại xá có thể công bố vô tội, phóng thích hoặc miễn TNHS, hình phạt đối với một loại, hoặc một số loại can phạm nào đó. Văn bản đại xá có hiệu lực đối với những hành vi phạm tội được nêu trong văn bản này đã xảy ra trước khi ban hành văn bản đại xá. Đối với những tội phạm được đại xá đã xảy ra trước khi ban hành đại xá thì cơ quan có thẩm quyền không được khởi tố vụ án. Những vụ án đã được khởi tố, điều tra, truy tố hay đang

xét xử đều được đình chỉ khi tội phạm được đại xá, nếu đã chấp hành xong hình phạt thì được coi là không có án tích.

h) Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác

Theo Luật Hình sự Việt Nam mục đích của hình phạt không chỉ trừng trị người thực hiện hành vi phạm tội mà còn nhằm giáo dục người phạm tội trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Xuất phát từ mục đích đó, mà Bộ luật Tố tụng hình sự quy định không khởi tố VAHS khi mà người thực hiện hành vi phạm tội đã chết. Cho nên, khi xác định được người thực hiện hành vi phạm tội đã chết thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định không khởi tố VAHS. Quy định này là sự thể hiện mục đích của hình phạt đã được quy định tại Điều 31 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, việc khởi tố vụ án có thể sẽ dẫn đến khởi tố bị can, truy cứu TNHS đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Vì thế, khi người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết thì không cần khởi tố vụ án nữa, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác.

i) Tội phạm quy định tại khoản 1 các Điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155 và 156 của Bộ luật Hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố

Về mặt nguyên tắc chung, khởi tố VAHS là quyền và trách nhiệm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm duy trì trật tự và công lý, không phụ thuộc vào ý muốn cá nhân và không ai có thể can thiệp. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, xuất phát từ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, pháp luật quy định cho phép người bị hại lựa chọn quyền yêu cầu khởi tố hoặc không khởi tố vụ án. Đây là những trường hợp mà hành vi phạm tội vừa xâm phạm trật tự xã hội, vừa xâm phạm đến thể chất, sức khỏe, danh dự của người bị hại.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự, chỉ được khởi tố VAHS về tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155 và 156 của Bộ luật Hình sự khi có yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết [2].

Việc quy định khởi tố VAHS theo yêu cầu của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ xuất phát từ tính chất của vụ án và lợi ích của chính người bị hại. Qua phân tích một số tội phạm thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của người bị hại cho thấy nhà làm luật dựa chủ yếu vào tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội và mức hình phạt cao nhất. Các tội danh nói trên nằm ở khoản 1 nên đều là tội phạm ít nghiêm trọng, không nhất thiết phải khởi tố mà có thể giải quyết bằng con đường hành chính, dân sự. Đây là những tội phạm ít nghiêm trọng và có liên quan trực tiếp đến bí mật đời tư, đến danh dự nhân phẩm của người bị hại. Vì vậy pháp luật cho phép người bị hại được quyền lựa chọn quyền yêu cầu khởi tố VAHS hoặc không yêu cầu khởi tố, cơ quan có thẩm quyền nếu tự mình khởi tố VAHS có thể gây thêm những tổn thất về tinh thần cho người bị hại, làm lộ bí mật đời tư của họ. Do đó, trong những trường hợp này, người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp có quyền tự lựa chọn: yêu cầu khởi tố VAHS, tha thứ hoặc thỏa thuận với người phạm tội.

2.2. Kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng căn cứ không khởi tố vụ án hình sự

2.2.1. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

a) Đề xuất bỏ quy định tại khoản 3 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự

Theo quy định của pháp luật hình sự, hành vi không cấu thành tội phạm khi thiếu một trong bốn yếu tố: khách thể, chủ thể, mặt khách quan và mặt chủ quan. Trong đó, độ tuổi chịu TNHS là một dấu hiệu bắt buộc để xác định năng lực chịu TNHS của chủ thể. Nếu chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đủ tuổi, họ sẽ không có đầy đủ năng lực chịu TNHS và do đó hành vi của họ không cấu thành tội phạm. Vì vậy, khoản 3 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định căn cứ "*Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu TNHS*" là một trong những căn cứ không khởi tố vụ án hình sự độc lập với căn cứ "*hành vi không cấu thành tội phạm*" quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng

hình sự *là không phù hợp*. Để đảm bảo tính chặt chẽ và logic trong quy định pháp luật, theo tác giả nên bỏ căn cứ được quy định tại khoản 3 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự [5].

b) Bổ sung thời hạn người bị hại yêu cầu khởi tố vụ án tại Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự

Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự không quy định thời hạn cụ thể mà trong đó người bị hại được quyền yêu cầu khởi tố, nghĩa là họ có quyền yêu cầu khởi tố vụ án bất cứ lúc nào, không bị giới hạn về mặt thời gian. Hệ quả là Cơ quan điều tra không thể giải quyết vụ án và buộc phải chấp nhận vi phạm thời hạn giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng hình sự. Những trường hợp này Cơ quan điều tra không thể ra quyết định khởi tố vụ án vì chưa có yêu cầu khởi tố của người bị hại, cũng không thể ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vì không có căn cứ [4]. Để khắc phục bất cập này, tác giả đề nghị cần điều chỉnh Khoản 1 Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự như sau:

"*1. Chỉ được khởi tố vụ án hình sự về tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155* và *156 của Bộ luật hình sự khi có yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết.*

Thời hạn yêu cầu khởi tố là 120 ngày, kể từ ngày xảy ra hành vi phạm tội. Quá thời hạn nêu trên, bị hại hoặc người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết không có quyền yêu cầu khởi tố vụ án."

c) Bổ sung thêm căn cứ không khởi tố vụ án hình sự vào Điều 157 BLTTHS: "Người thực hiện hành vi phạm tội là người được hưởng các quyền miễn trừ ngoại giao hoặc quyền ưu đãi và miễn trừ về lãnh sự".

Việc bổ sung căn cứ này là phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự. Vì tại khoản 2 Điều 5 Bộ luật Hình sự quy định đối với các đối tượng được hưởng các quyền miễn trừ ngoại giao hoặc quyền ưu đãi và miễn trừ về lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, theo điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia, hoặc theo tập quán quốc tế, vấn đề TNHS của họ được giải quyết bằng con đường ngoại giao. Như vậy, khoản 2 Điều 5 Bộ luật Hình sự đã quy định những trường hợp ngoại lệ của nguyên tắc chung về hiệu lực tuyệt đối của Luật Hình sự đối với bất cứ ai phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam.

Mối quan hệ giữa luật hình sự và luật tố tụng hình sự là mối quan hệ giữa nội dung và hình thức. Các quy định của luật hình sự chỉ có thể được thực hiện trên thực tế thông qua quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, khi có hành vi phạm tội của các chủ thể nói trên, thì việc giải quyết vấn đề trách nhiệm của họ được giải quyết bằng con đường ngoại giao. Tuy nhiên, nếu trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền có được nguồn tin về tội phạm, sau khi kiểm tra, xác minh biết được chủ thể thực hiện hành vi phạm tội là người được hưởng quyền miễn trừ về ngoại giao và lãnh sự, thì cũng phải có cơ sở pháp lý để những cơ quan này ra quyết định không khởi tố, tránh trường hợp giải quyết tuỳ tiện.

2.2.2. Kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng căn cứ không khởi tố vụ án hình sự

a) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tiếp nhận và xử lý tin báo về tội phạm

Chỉ khi hoạt động tiếp nhận và xử lý tin báo về tội phạm được thực hiện tốt thì mới đảm bảo *"...phát hiện chính xác và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội "* [2]. Đồng thời nó sẽ là điều kiện cần thiết để cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố và không khởi tố được chính xác, hạn chế tình trạng khởi tố tràn lan hoặc không khởi tố thiếu căn cứ pháp luật. Để đạt được các mục đích trên theo tác giả cần phải thực hiện các biện pháp sau:

- Tăng cường cơ sở vật chất, cán bộ trực ban hình sự ở các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận tin báo về tội phạm.

- Viện Kiểm sát phải lập được chương trình công tác kiểm sát việc tiếp nhận và xử lý tin báo về tội phạm một cách thường xuyên, tránh tình trạng hoạt động kiểm sát mang tính thời vụ. Chú trọng hình thức kiểm sát trực tiếp đối với hoạt động khởi tố và cân bằng nó với hình thức kiểm sát trên hồ sơ.

- Viện Kiểm sát phải nắm bắt được một cách đầy đủ, chính xác tình hình tiếp nhận và xử lý tin báo về tội phạm của lực lượng công an cùng cấp hành chính thông qua: hệ thống sổ sách tiếp nhận và xử lý tin báo về tội phạm, các buổi họp giao ban khối nội chính, các hình thức thông tin đại chúng, đơn tố giác của quần chúng; phát hiện những hành vi bao che tội phạm, người phạm tội, kịp thời đưa ra những kiến nghị, quyết định xử lý đối với những vi phạm Bộ luật Tố tụng hình sự trong hoạt động khởi tố điều tra.

b) Nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố

Một nguyên nhân cơ bản trong việc áp dụng sai căn cứ không khởi tố VAHS là chất lượng kiểm sát khởi tố điều tra của Viện Kiểm sát hiện nay, tình trạng này xuất phát từ những khó khăn mà hiện nay ngành kiểm sát chưa giải quyết được như: nguồn nhân lực còn thiếu so với yêu cầu, phạm vi kiểm sát quá lớn dẫn đến công tác kiểm sát khởi tố còn thiếu sót, nên vẫn còn tình trạng bỏ lọt tội phạm mà Viện Kiểm sát không phát hiện để xử lý được.

Nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, Viện Kiểm sát cần:

- Tổ chức quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, kiểm sát viên về vị trí, vai trò của công tác kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố.

- Viện kiểm sát các cấp cần chú trọng tổng kết thực tiễn, xây dựng chuyên đề, tổ chức tập huấn công tác kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo tội phạm. Thông qua đó thảo luận, phổ biến những biện pháp, kinh nghiệm công tác, giúp cán bộ, kiểm sát viên nắm vững kiến thức chuyên môn, tích cực, chủ động nâng cao chất lượng công tác.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn, kịp thời phát hiện những thiếu sót của cán bộ, kiểm sát viên trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm để có biện pháp khắc phục.

3. Kết luận

Nghiên cứu căn cứ không khởi tố VAHS cả về lý luận và thực tiễn áp dụng là việc làm cấp bách, nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng các căn cứ này, góp phần hạn chế và loại trừ tình trạng bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, nâng cao hiệu quả hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm của các cơ quan có thẩm quyền, hạn chế số vụ án đã được khởi tố nhưng sau đó phải đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án. Từ đó, bảo đảm việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự, giúp cho cơ quan có thẩm quyền hoàn thành nhiệm vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Tài liệu tham khảo

[1] Quốc hội (2015, 2017), *Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.*

[2] Quốc hội (2015, 2021), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021.*

[3] Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển luật học*, NXB Từ điển Bách khoa - NXB Tư pháp, Hà Nội.

[4] Nguyễn Quốc Hân (2023), *Về một số bất cập trong quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Tạp chí Kiểm sát, số 21.

[5] Nguyễn Văn Linh (2019), *Các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự - Bất cập và kiến nghị*, nguồn: https://tapchitoaan.vn/cac-can-cu-khong-khoi-to-vu-an-hinh-su-bat-cap-va-kien-nghi.

[6] Võ Phước Long (2002), *Căn cứ không khởi tố vụ án hình sự - Lý luận và thực tiễn*, Khóa luận Tốt nghiệp cử nhân Luật, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.